

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÚ LỘC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/GPMT-UBND

Phú Lộc, ngày 27 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Trách nhiệm
hữu hạn Cung ứng nhựa đường ngày 18 tháng 10 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ
trình số 508/TTr-TNMT ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc đề nghị cấp Giấy
phép môi trường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cung ứng nhựa đường thực
hiện dự án Đầu tư tổng kho nhựa đường ADCo Chân Mây – Thừa Thiên Huế.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cung ứng nhựa đường, địa chỉ tại Tầng 12, toà nhà Centre Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Tổng kho nhựa đường ADCo Chân Mây - Thừa Thiên Huế, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Tổng kho nhựa đường ADCo Chân Mây - Thừa Thiên Huế.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu bến số 1 - cảng Chân Mây, Khu Kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 8758062280 do Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, chứng nhận lần đầu ngày 06/8/2010 và thay đổi lần thứ 03 ngày 28/12/2020.

1.4. Mã số thuế: 0100113039.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng kho chứa nhựa đường sức chứa khoảng 8.720 tấn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Đã xây dựng, lắp đặt tổng cộng 08 bồn chứa nhựa đường. Trong đó: 01 bồn có sức chứa 3.000 tấn; 06 bồn có sức chứa 120 tấn (20 tấn/bồn); 01 bồn có sức chứa 3.600 tấn. Tổng sức chứa nhựa đường hiện tại: 6.720 tấn.

- Tiến hành nâng cấp, cải tạo 02 bồn chứa nhựa đường 3.000 tấn và 3.600 tấn (hiện có) thành 02 bồn chứa 4.300 tấn/bồn.

- Tổng sức chứa nhựa đường sau khi nâng cấp, cải tạo: 8.720 tấn.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cung ứng nhựa đường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cung ứng nhựa đường có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND huyện;
- Công ty TNHH cung ứng nhựa đường;
- Ban QLKCN, KKT tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Lộc Vĩnh;
- VP: LD & CV;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Đê

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 27/12/2022
của UBND huyện Phú Lộc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

Nguồn nước thải này phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh hằng ngày của cán bộ, công nhân làm việc.

- Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn (có khả năng nhiễm dầu).

Nước mưa chảy tràn trên kết cấu mái, sân bãi nội bộ (có thể cuốn theo dầu rò rỉ trong trường hợp có sự cố hư hỏng thiết bị, đường ống dẫn dầu).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Toàn bộ các nguồn nước thải nêu trên của dự án được thu gom, xử lý, từ đó phát sinh 01 dòng nước thải vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống mương thoát nước của Cảng Chân Mây.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại điểm đầu nối nước thải dự án vào mương thoát nước của cảng Chân Mây, có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 107, múi chiều 3⁰): X = 1.806.549 (m); Y = 608.721 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 76,7 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt giá trị C_{max} (K_q=0,9, K_f=1,1), cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

| TT | Chất ô nhiễm | ĐVT | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|------------------|------|---------------------------|---|-----------------------------|
| 1 | pH | - | 6 - 9 | Nước thải của Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ và | |
| 2 | BOD ₅ | mg/l | 29,7 | | |
| 3 | COD | mg/l | 74,25 | | |

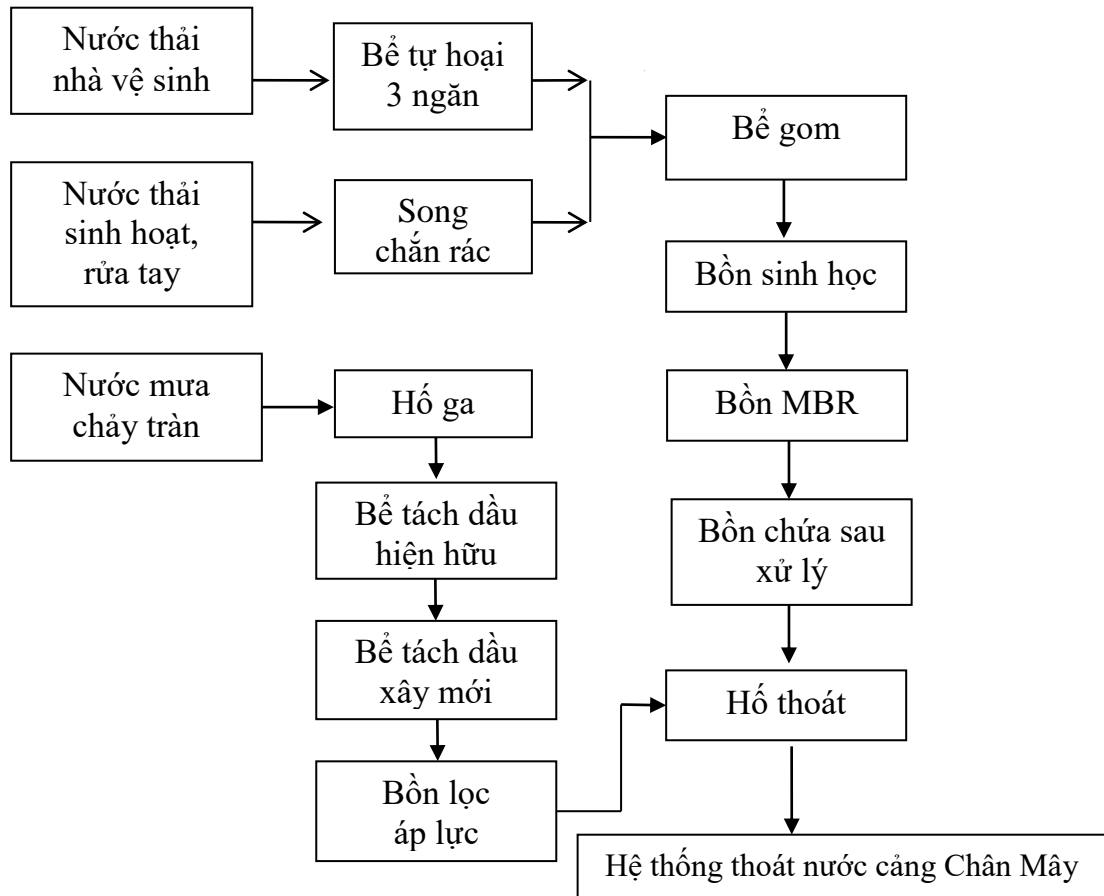
| | | | | |
|----|----------------------------|------------|-------|---|
| 4 | TSS | mg/l | 49,5 | quan trắc tự động (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) |
| 5 | Sunfua | mg/l | 0,198 | |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 4,95 | |
| 7 | Tổng nitơ | mg/l | 19,8 | |
| 8 | Tổng photpho (tính theo P) | mg/l | 3,96 | |
| 9 | Tổng dầu mỡ khoáng | mg/l | 4,95 | |
| 10 | Tổng Coliform | MPN/100 ml | 3.000 | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải và nước mưa của dự án:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

a) Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Đối với nước thải:

Nước thải sinh hoạt (từ nhà vệ sinh) được thu gom, dẫn vào bể tự hoại. Bể tự hoại có vai trò xử lý sơ bộ nguồn nước thải từ khu vực nhà vệ sinh. Bể tự hoại có cấu tạo 3 ngăn, là công trình đồng thời thực hiện hai chức năng: lắng và phân huỷ cặn lắng. Nước thải theo đường ống thu gom vào bể, chuyển động qua các ngăn sẽ trong dần do các chất lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Qua thời gian 3 - 6 tháng, các chất hữu cơ sẽ được phân huỷ bởi các vi sinh vật yếm khí một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Phần cặn lắng theo định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút và chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định.

Phần nước thải sau bể tự hoại nêu trên cùng với nước thải sinh hoạt, rửa tay chân của cán bộ công nhân được thu gom, qua song chắn rác, chảy vào hố gom nhằm ổn định lưu lượng và nồng độ nước thải. Chủ dự án tiến hành xây dựng bổ sung 01 hố gom nước thải (bằng gạch nung) có kích thước: dài x rộng x cao = 1,5m x 1,0m x 1,5m.

Tại hố gom có lắp đặt giỏ tách rác và hệ thống bơm chìm để bơm nước thải lên Cụm bể xử lý tập trung, bao gồm các bể (bồn) xử lý riêng lẻ được Chủ dự án lắp đặt bổ sung phía trên bể tách dầu hiện hữu.

Đầu tiên, từ hố gom, nước thải được bơm lên bồn sinh học. Tại đây xảy ra quá trình chuyển hóa các hợp chất hữu cơ thành metan và các sản phẩm hữu cơ khác nhờ hệ vi sinh vật. Nước thải vào bồn sẽ mang theo một lượng thức ăn cho các vi khuẩn, từ đó thúc đẩy các quá trình phản ứng sinh hoá. Trong quá trình xử lý diễn ra quá trình sục khí (sử dụng máy thổi khí và hệ thống thiết bị phân phối khí) nhằm cung cấp oxy vào nước và khuấy đều hỗn hợp trong bồn. Tại đây sẽ diễn ra quá trình nitrat hóa, khử nitrat và phân huỷ, oxy hóa các chất hữu cơ trong nước thải với sự tham gia của các chủng loại vi sinh vật hiếu khí và tùy tiện như *Pseudomonas*, *Zoogloea*, *Nitrobacter*, *Nitrosomonas*,.... Vi sinh vật hiếu khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hoà tan có trong nước thải, phân huỷ và chuyển hoá chúng thành khí (khoảng 70-80% là metan, 20-30% là cacbonic). Bọt khí sinh ra bám vào hạt bùn cặn, nổi lên trên làm xáo trộn và gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng. Hiệu quả xử lý BOD và COD có thể đạt 70-90%.

Từ bồn sinh học, nước thải chảy qua bồn MBR (Membrane Bio-Reactor: Màng phản ứng sinh học). Trong bồn này được lắp đặt màng MBR, được cấu tạo bởi các đơn vị MBR. Mỗi đơn vị MBR gồm nhiều sợi rỗng liên kết với nhau, mỗi sợi rỗng lại cấu tạo giống như một màng lọc với các lỗ lọc rất nhỏ. Tại đây, các chất rắn lơ lửng, bùn hoạt tính, vi khuẩn, vi trùng,... sẽ được tách ra khỏi nước thải nhờ hệ thống màng MBR và bơm hút màng MBR. Bùn lắng định kỳ được xả về bể tự hoại.

Nước thải sau đó vào bồn chứa nước sau xử lý, đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, giá trị Cmax, cột A với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,1 và xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực cảng Chân Mây.

Sau này, khi Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh đầu tư Trạm xử lý nước thải tập trung tại Cảng Chân Mây, Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường cam kết thực hiện các thủ tục để xin đầu nối nước thải của dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung này của Cảng.

- Đối với nước mưa:

Toàn bộ nước mưa chảy tràn khuôn viên khu vực dự án được thu gom, dẫn vào bể tách dầu hiện có. Bể tách dầu hoạt động dựa theo nguyên lý loại bỏ các tạp chất và dầu bằng trọng lực. Các tạp chất có kích thước lớn dưới tác dụng trọng lực sẽ lắng xuống, còn dầu mỡ trong nước thải sẽ nổi lên trên mặt nước và bị các vách ngăn giữ lại.

Bể tách dầu hiện trạng có dung tích chứa khoảng 25m³, Chủ dự án tiến hành xây dựng thêm 01 bể tách dầu bổ sung mới, kết cấu: gạch không nung, có kích thước: dài x rộng x cao = 12m x 2m x 3m.

Nước mưa từ ngăn tách nước của bể tách dầu hiện hữu chảy sang bể tách dầu xây dựng mới, tại bể tách dầu xây mới sẽ lắp đặt các khung vải lọc dầu đặc thù cách nhau 1-3m trong bể. Vải lọc dầu có kích thước 2m x 3m, dày 5mm được sản xuất từ 100% sợi tái chế của ngành công nghiệp dệt với đặc tính: Sợi vải có khả năng lọc dầu, váng dầu, các chất thải nhiễm dầu trong nước. Khi tiếp xúc với vải lọc dầu, dầu không chỉ bị thấm tại vị trí tiếp xúc với sợi mà bị hút vào toàn bộ sợi vải bởi lực mao dẫn. Khả năng lọc dầu không hề bị ảnh hưởng ngay khi vải ngập trong nước, dầu bị hút vào sẽ đẩy nước ra khỏi sợi vải và chiếm chỗ. Dầu bị hút vào sợi vải có thể dễ dàng tách ra bằng biện pháp cơ học (vắt, ép, tách ly tâm...).

Từ ngăn cuối của bể, nước mưa sẽ được bơm vào bồn lọc (cột lọc) áp lực. Bồn lọc áp lực có cấu tạo hình trụ, gồm phần chân đế, phần thân, phần đỉnh. Toàn bộ thiết bị có kết cấu bằng inox, bên trong phần thân thiết bị có ngăn chứa túi vải tách dầu chuyên dụng. Ngoài ra, bồn lọc còn được trang bị ống xả cặn ở phía dưới phần thân thiết bị (nhằm loại bỏ cặn lắng trong quá trình vận hành), ống xả khí, van xả khí, rơ le áp suất ở phía trên đỉnh thiết bị (nhằm điều chỉnh áp lực của bồn lọc) trong quá trình vận hành. Thông qua máy bơm, nước mưa được đưa vào đường ống phía phần thân của bồn lọc, sau đó đi qua khu vực ngăn túi vải tách dầu nhằm loại bỏ lượng dầu còn lại trong nước và đi ra ngoài.

Nước mưa sau khi qua các bể tách dầu và bồn lọc áp lực, đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, giá trị Cmax, cột A với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,1, sau đó chảy vào hố thoát và xả thải vào hệ thống thoát nước của cảng Chân Mây.

Theo định kỳ (dự kiến khoảng 03 tháng/lần), Chủ dự án sẽ tiến hành kiểm tra, thay thế các tấm thấm hút dầu tại bể tách dầu và bồn lọc áp lực, đồng thời

nao vét dầu tại cách vách ngăn, nao vét bùn, đất, cát ở dưới đáy bể để thu gom, xử lý (theo chất thải nguy hại).

b) Danh mục các công trình:

- Các hạng mục công trình XLNT sinh hoạt có đặc điểm như sau:

| TT | Công trình | Thể tích (m ³) | Kết cấu | Ghi chú |
|----|----------------------|----------------------------|---------|-------------|
| 1 | Bể tự hoại (03 ngăn) | 10 | BTCT | Đã xây dựng |
| 2 | Hố gom | 1,5 | BTCT | Xây mới |
| 3 | Bồn sinh học | 2,0 | Nhựa | Lắp đặt mới |
| 4 | Bồn MBR | 2,0 | Nhựa | Lắp đặt mới |
| 5 | Bồn chứa (sau xử lý) | 0,5 | Nhựa | Lắp đặt mới |

- Các máy móc, thiết bị được lắp đặt trong Cụm bể XLNT bao gồm:

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đặc tính kỹ thuật/ xuất xứ | Đơn vị | Số lượng |
|----|--|--|--------|----------|
| 1 | Song chắn rác | Gia công tại Việt Nam | Cái | 3 |
| 2 | Bơm nước thải và phao | - Xuất xứ: APP, Đài Loan - Đặc tính kỹ thuật: + Kiểu: bơm chìm + Lưu lượng: 5m ³ /h + Điện áp: 220V/1 pha/50Hz, 0,25 kW | Cái | 2 |
| 3 | Giá thể sinh học và hệ vi sinh, màng lọc MBR | | Bộ | 1 |
| 4 | Máy thổi khí | - Xuất xứ: Nhật Bản - Đặc tính kỹ thuật: + Điện áp: 220V/1 pha/50Hz, 120-160 W | Bộ | 3 |
| 5 | Tủ điều khiển trung tâm và hệ thống điện | - Vỏ tủ sơn tĩnh điện - Thiết bị đóng ngắt, contactor, relay nhiệt, nút ấn, đèn báo, đồng hồ, phụ kiện,...: LS, Đài Loan hoặc tương đương | Bộ | 1 |

| | | | | |
|---|---------------------------------------|---|----------|---|
| 6 | Hệ thống đường ống dẫn nước, van khóa | - Ống nước thải: uPVC - Rác-co: uPVC | Hệ thống | 1 |
|---|---------------------------------------|---|----------|---|

c) Công suất thiết kế: 80m³/ngày đêm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thu gom chất thải rắn tại song chắn rác tránh để ứ đọng làm cản trở dòng chảy.

- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.

- Trang bị 03 bộ ứng cứu sự cố tràn dầu dạng thùng 240L, bao gồm các thiết bị, vật tư 80 tấm thấm hút đa năng; 4 phao thấm hút đa năng; 2 gói thấm dầu; 1 bộ chổi quét và xẻng xúc chất thải; 2 cuộn túi đựng chất thải; 05 khẩu trang, quần áo bảo hộ. Khi có sự cố dầu rò rỉ, công nhân lập tức xử lý, thu gom, vệ sinh sạch sẽ, hạn chế tối đa lượng dầu cuốn theo nước mưa chảy tràn.

- Để giảm thiểu tác hại của ngập lụt trong những ngày mưa lớn, chủ dự án tiến hành cải tạo toàn bộ tuyến mương thu gom, thoát nước mưa nội bộ khu vực dự án, đảm bảo cho việc thu gom, xử lý nước mưa trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của cảng Chân Mây. Mương thoát nước có kết cấu bê tông cốt thép, dài khoảng 300m. Tại một số điểm giao nhau của mương thoát nước mưa, bố trí các hố ga để lắng cặn, bùn đất. Đồng thời, xây dựng bổ sung phần tường gạch cao 40cm, dài khoảng 20m (phía gần cảng Chân Mây) để ngăn nước mưa chảy tràn khuôn viên khu vực dự án có thể chảy ra bên ngoài trong trường hợp có sự cố ngập lụt.

- Xây dựng bổ sung phần tường gạch cao 40cm, dài khoảng 20m (phía gần cảng Chân Mây) để ngăn nước mưa chảy tràn khuôn viên khu vực dự án có thể chảy ra bên ngoài trong trường hợp có sự cố ngập lụt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian và công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

| STT | Tên công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm | Thời gian bắt đầu | thời gian kết thúc | Công suất dự kiến đạt |
|-----|--|-------------------|--------------------|-----------------------------|
| 1 | Cụm bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung | | | 5 m ³ /ngày đêm |
| 2 | Bể tách dầu và bồn lọc áp lực xử lý nước mưa chảy tràn (có khả năng nhiễm dầu) | 15/3/2023 | 30/4/2023 | 80 m ³ /ngày đêm |

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu*: Như tại Mục 2.2. của Phần A Phụ lục này.

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*: Như tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

2.3.1. *Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả xử lý*: Thực hiện 3 đợt trong 45 ngày (tần suất 15 ngày/đợt):

- Đợt 1: ngày 15/3/2023
- Đợt 2: ngày 28/3/2023
- Đợt 3: ngày 15/4/2023

2.3.2. *Giai đoạn vận hành ổn định*: Thực hiện 3 đợt trong 3 ngày liên tục (tần suất 01 ngày/đợt):

- Đợt 1: ngày 20/4/2023
- Đợt 2: ngày 21/4/2023
- Đợt 3: ngày 22/4/2023

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 27/12/2022
của UBND huyện Phú Lộc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Dự án có 02 nguồn phát sinh khí thải từ 02 hệ thống lò dầu tải nhiệt đốt cháy nhiên liệu dầu DO (02 hệ thống này tương tự nhau).

- Nguồn khí thải số 01: từ hệ thống lò dầu tải nhiệt số 01.
- Nguồn khí thải số 02: từ hệ thống lò dầu tải nhiệt số 02.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

02 nguồn khí thải từ 02 hệ thống lò dầu tải nhiệt nêu trên được kiểm soát và tạo ra 02 dòng khí thải vào môi trường thông qua 02 ống khói riêng biệt (liên kết với từng hệ thống lò dầu tải nhiệt).

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 1: Tại ống khói liên kết với hệ thống lò dầu tải nhiệt số 01, có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 107, múi chiếu 3⁰): X = 1.806.622 (m); Y = 608.715 (m);

- Dòng khí thải số 2: tại ống khói liên kết với hệ thống lò dầu tải nhiệt số 02, có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 107, múi chiếu 3⁰): X = 1.806.624 (m); Y = 608.718 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa: 10.920 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn theo các thời điểm trong ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, giá trị C_{max}, cột B (K_p = 1, K_v=1).

| TT | Chất ô nhiễm | ĐVT | Giá trị giới hạn | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục (nếu có) |
|----|-----------------|--------------------|------------------|---|--------------------------------------|
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | 200 | Khí thải của Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ và quan trắc tự động (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) | |
| 2 | CO | mg/Nm ³ | 1.000 | | |
| 3 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 500 | | |
| 4 | NO ₂ | mg/Nm ³ | 850 | | |

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải

3.1.1. Đối với khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu FO của hệ thống gia nhiệt

- Vận hành hệ thống gia nhiệt đúng quy trình, hướng dẫn vận hành nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu, đảm bảo hiệu suất sinh nhiệt và giảm nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải.

- Luôn sử dụng dầu đốt có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị gia nhiệt nhằm bảo đảm máy móc, thiết bị hoạt động đúng chế độ theo thiết kế.

3.1.2. Đối với bụi, khí thải và bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ lưu thông.

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm chở đúng trọng tải.

- Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng.

- Kiểm tra bảo dưỡng xe đúng theo quy định của nhà sản xuất.

- Thường xuyên bảo trì sân đường nội bộ, bê tông hóa lối đi để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Bố trí thêm cây xanh tại một số khu vực trong khuôn viên dự án để tôn tạo cảnh quan cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 27/12/2022
của UBND huyện Phú Lộc)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Hoạt động của hệ thống lò dầu tải nhiệt.
- Hoạt động của dây chuyền khuấy trộn nhựa đường nhũ tương.
- Hoạt động vận chuyển nhựa đường.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

2.1. Tiếng ồn

Giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và độ ồn cho phép, (dBA) (*) | | Ghi chú |
|----|---|-------------|----------------------|
| | Từ 6-21 giờ | Từ 21-6 giờ | |
| 1 | 70 | 55 | Khu vực thông thường |

Ghi chú: (*) Giá trị giới hạn được căn cứ theo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2.2. Độ rung

Giới hạn đối với độ rung theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) (**) | | Ghi chú |
|----|---|-------------|----------------------|
| | Từ 6-21 giờ | Từ 21-6 giờ | |
| 1 | 70 | 60 | Khu vực thông thường |

Ghi chú: (**) Giá trị giới hạn được căn cứ theo QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1 Biện pháp quy hoạch

- Quy hoạch tổng thể công trình, bố trí các máy móc, thiết bị một cách

hợp lý để giảm tác động cộng hưởng của tiếng ồn cũng như độ rung.

- Trồng dải cây xanh xung quanh khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn phát ra bên ngoài.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Biện pháp giảm ồn và độ rung tại nguồn

- Kiểm tra sự cân bằng khi lắp đặt máy móc thiết bị. Vận hành máy theo đúng quy trình công nghệ của hãng sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy móc, thiết bị, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Lắp đặt các thiết bị, kết cấu giảm ồn và rung như đệm đàn hồi cao su và lò xo chống rung,...cho các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung cao đồng thời định kỳ kiểm tra, thay thế các thiết bị này.

- Bố trí xe ra vào khu vực dự án hợp lý, không để xảy ra đồng thời nhiều xe vào dự án cùng một thời điểm và yêu cầu xe sau khi đậu phải tắt máy.

- Công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn được trang bị nút chống ồn và các bảo hộ lao động cần thiết khác.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 27/12/2022
của UBND huyện Phú Lộc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

| STT | Tên chất thải | Mã số CTNH | Trạng thái tồn tại | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------|---|------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Giẻ lau nhiễm dầu mỡ | 18 02 01 | Rắn | 75 |
| 2 | Ắc quy chì thải | 16 01 12 | Rắn | 15 |
| 3 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | Rắn | 1 |
| 4 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, dầu mỡ thải | 17 07 03 | Lỏng | 630 |
| 5 | Nhũ tương thải khác (vệ sinh bồn bể) | 17 07 02 | Lỏng | 2,000 |
| 6 | Chất thải từ quá trình vệ sinh các bồn chứa và bể xử lý nước thải | 17 05 06 | Rắn/Lỏng | 500 |
| Tổng cộng | | | | 3.221 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh thường xuyên:

| STT | Tên chất thải | Mã chất thải | Khối lượng (kg/tháng) |
|------------------|---|--------------|-----------------------|
| 1 | Nhựa đường rơi vãi/ nhựa đường thải | 05 01 17 | 20 |
| 2 | Nhựa đường nhũ tương rơi vãi/ nhựa đường nhũ tương thải | 05 01 17 | 10 |
| 3 | Chi tiết máy móc, thiết bị hỏng | 16 01 17 | 10 |
| 4 | Bùn cặn tại hố ga, mương thoát nước | 19 08 14 | 05 |
| 5 | Bùn cặn tại bể tự hoại, bể XLNT | 19 08 14 | 10 |
| Tổng cộng | | | 55 |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân. Khối lượng ước tính khoảng 15 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Trang bị các thùng chứa chuyên dụng để thu gom chất thải nguy hại phát sinh, có ghi tên, dán nhãn, mã CTNH để phân biệt với các loại chất thải khác.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Sử dụng nhà kho (diện tích 15 m²; đã có sẵn tại dự án) để lưu giữ và quản lý CTNH.

- Định kỳ, tiến hành bàn giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 10 (URENCO 10) vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Sử dụng 03 thùng chứa (dung tích 50L/thùng; đã có sẵn tại dự án) để thu gom nhựa đường, nhựa đường nhũ tương phát sinh từ quá trình xuất nhập, khuấy trộn. Ưu tiên thu hồi, tái sử dụng nhựa đường, nhựa đường nhũ tương.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Sử dụng nhà kho (diện tích 20 m²; đã có sẵn tại dự án) để tập trung quản lý, lưu giữ tạm thời các chất thải rắn phát sinh. Sau đó, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế định kỳ (dự kiến 6-12 tháng/lần) đến thu gom, xử lý bùn cặn bề mặt tự hoại theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Sử dụng 03 thùng chứa (dung tích 50L/thùng; đã có sẵn tại dự án) để thu gom chất thải sinh hoạt phát sinh.

- Hợp đồng với Đội thu gom thuộc Công ty Cổ phần cảng Chân Mây theo định kỳ (khoảng 02 ngày/lần) vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

- Lập phương án phòng cháy chữa cháy trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện phòng chống cháy nổ, hệ thống báo cháy, hệ thống chống sét, tiếp đất.

- Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động. Xây dựng nội quy phòng chống cháy nổ nơi làm việc, phổ biến cho cán bộ, công nhân và nghiêm túc thực hiện.

- Thành lập lực lượng phòng chống cháy nổ và xây dựng phương án phòng chống cháy nổ tại chỗ, có tổ chức tập luyện thường xuyên để khi có cháy thì xử lý kịp thời và có hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và nhắc nhở công nhân thực hiện các quy định an toàn về phòng chống cháy nổ.

2. Sự cố rò rỉ dầu, hóa chất

- Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất ngày 21/11/2007; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định về kế hoạch và biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp.

- Tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, công nhân kiến thức về phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ dầu, hóa chất và biện pháp sơ cứu, cấp cứu trong trường hợp sự cố gây ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ, công nhân.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động bảo quản, sử dụng dầu, hóa chất tại dự án.

- Trang bị bộ ứng cứu khẩn cấp sự cố dầu, hóa chất tràn để kịp thời đáp ứng nhu cầu xử lý sự cố. Bộ ứng phó khẩn cấp sự cố dầu, hóa chất tràn vãi bao gồm tất cả các vật tư thiết yếu cho công tác xử lý nhanh sự cố tại chỗ.

3. Sự cố thiên tai

- Thành lập đội phòng chống thiên tai (bảo lụt, dông sét) tại dự án để kịp thời ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Xây dựng phương án phòng chống thiên tai và cập nhật, tổ chức tập huấn, diễn tập theo định kỳ.

- Thường xuyên liên lạc và phối hợp với Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thừa Thiên Huế, các cơ quan chức năng tại địa phương để cập nhật thông tin, học tập và trao đổi kinh nghiệm ứng phó sự cố thiên tai.

- Thường xuyên kiểm tra, tiến hành nạo vét, khơi thông các tuyến thoát nước.